

THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU THÁNG 02 NĂM 2024

Học sinh nghỉ tết từ ngày 05/02 đến ngày ngày 18/02 (từ ngày 26 tháng chạp đến  
mùng 9 âm lịch), đi học lại vào ngày 19/02 (nhằm ngày mùng 10 âm lịch).

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 - 2024.

Căn cứ Công văn số 1943/UBND-GDDT ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 5 về hướng dẫn công tác thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 - 2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn Quận 5.

Căn cứ Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 - 2024.

| Stt                                          | Nội dung thu                                                   | Đơn vị tính   | Mức thu      |                   |
|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------|--------------|-------------------|
|                                              |                                                                |               | Học sinh mới | Học sinh đang học |
| Số ngày thực học không tính thứ 7, chủ nhật: |                                                                | 11            | ngày         |                   |
| I. Các khoản thu cố định:                    |                                                                |               |              |                   |
| 1                                            | Tiền học phí                                                   |               |              |                   |
|                                              | Nhà trẻ                                                        | đồng/tháng    | 200.000      | 200.000           |
|                                              | Mầm, Chồi, Lá                                                  | đồng/tháng    | 160.000      | 160.000           |
| 2                                            | Tiền tổ chức phục vụ ăn sáng                                   | đồng/tháng    | 100.000      | 100.000           |
| 3                                            | Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú               | đồng/tháng    | 300.000      | 300.000           |
| 4                                            | Tiền nước uống                                                 | đồng/tháng    | 15.000       | 15.000            |
| 5                                            | Tiền điện, phí bảo trì máy lạnh                                | đồng/tháng    | 40.000       | 40.000            |
| 6                                            | Tiền suất ăn sáng (11 ngày * 17.000 đồng)                      | đồng/tháng    | 187.000      | 187.000           |
| 7                                            | Tiền suất ăn trưa, ăn xế (11 ngày * 35.000 đồng)               | đồng/tháng    | 385.000      | 385.000           |
| 8                                            | Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú       | đồng/năm      | 340.000      | -                 |
| 9                                            | Tiền học phẩm                                                  | đồng/năm      | 50.000       | -                 |
| 10                                           | Tiền học cụ - học liệu                                         |               |              | -                 |
|                                              | Nhà trẻ                                                        | đồng/năm      | 120.000      | -                 |
|                                              | Mầm                                                            | đồng/năm      | 180.000      | -                 |
|                                              | Chồi                                                           | đồng/năm      | 230.000      | -                 |
|                                              | Lá                                                             | đồng/năm      | 280.000      | -                 |
| 11                                           | Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT & CDS: sổ liên lạc điện tử | đồng/năm      | 50.000       | -                 |
|                                              | Tổng số tiền các khoản thu:                                    |               |              |                   |
|                                              | Nhà trẻ                                                        | đồng/học sinh | 1.787.000    | 1.227.000         |
|                                              | Mầm                                                            | đồng/học sinh | 1.807.000    | 1.187.000         |
|                                              | Chồi                                                           | đồng/học sinh | 1.857.000    | 1.187.000         |
|                                              | Lá                                                             | đồng/học sinh | 1.907.000    | 1.187.000         |

| Stt                                           | Nội dung thu                                    | Đơn vị tính | Mức thu      |                   |
|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------|--------------|-------------------|
|                                               |                                                 |             | Học sinh mới | Học sinh đang học |
| II. Các khoản thu theo nhu cầu của phụ huynh: |                                                 |             |              |                   |
| 1                                             | Tiền năng khiếu Võ                              | đồng/tháng  | 40.000       | 40.000            |
| 2                                             | Tiền năng khiếu Nhịp điệu                       | đồng/tháng  | 40.000       | 40.000            |
| 3                                             | Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài | đồng/tháng  | 155.000      | 155.000           |
|                                               | Tiền sách ngoại ngữ                             |             |              |                   |
|                                               | Mâm                                             | đồng/năm    | 68.000       | -                 |
|                                               | Chôi                                            | đồng/năm    | 79.000       | -                 |

1. Thời gian đóng tiền: từ ngày 01/02 đến 26/02/2024.
2. Quý phụ huynh vui lòng đóng tiền đúng thời gian quy định để hỗ trợ nhà trường chăm lo suất ăn cho học sinh. Xin chân thành cảm ơn !

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Thúy